TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2019.
V/v: *"tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng Huy Lập

2. Ông Vương Xuân Tượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 789/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về "*tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: đường A, phường B, thành phố L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Trần Minh Q, sinh năm 1980.

Địa chỉ: đường A, phường B, thành phố L, tỉnh Đ.

(Bà Nh có mặt, ông Trần Minh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh Q kết hôn vào ngày 30/8/2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đ, tỉnh L, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại số đường A, phường B, thành phố L, tỉnh Đ. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông Trần Minh Q thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu về thì gây gổ chửi bà, ông Trần Minh Q hay ghen tuông vô cớ, quản lý giờ giấc làm việc của bà, thường xuyên đánh đập bà, mỗi lần đánh bà con trai lớn của bà chứng kiến có lần cháu phản ứng lại thì hai cha con xảy ra đánh nhau, bà phải nhờ Công an khu vực và tổ trưởng tổ dân phố đến can thiệp và gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng ông Trần Minh Q vẫn chứng nào, tật nấy không thay đổi. Do thường xuyên bị đánh nên bà và hai con đã chuyển ra nhà trọ sinh sống. Nay, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh Q.

Về con chung: Có hai con chung tên Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 19/3/2005 và Trần Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 30/11/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con đến khi hai con đủ mười tám tuổi. Bà Nh không yêu cầu ông Trần Minh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có một lô đất diện tích khoảng 360m^2 thuộc buôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đ, đất chỉ có giấy tờ viết tay. Bà Nh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nh xác định không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tố N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Minh Q đã được triệu tập hợp lệ tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Trần Minh Q vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, nguyên đơn, bị đơn và thu thập chứng cứ

theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 68, 203, Điều 208 đến Điều 211 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Tố N và ông Trần Minh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh, xử cho bà Nh và ông Trần Minh Q được ly hôn, giao hai con chung tên Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 19/3/2005 và Trần Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 30/11/2011 cho bà Nh trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành. Bà Nh không yêu cầu ông Trần Minh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng có một lô đất diện tích khoảng 360m^2 thuộc buôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đ, đất chỉ có giấy tờ viết tay, ông Trần Minh Q và bà Nh tự thỏa thuận nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"tranh chấp ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố N với bị đơn ông Trần Minh Q theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng Nh tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Minh Q đã được triệu tập hợp lệ Nhng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Minh Q.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nh và ông Trần Minh Q là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo bà Nh trình bày trong quá trình chung sống giữa ông Trần Minh Q thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh bà nên cuộc sống chung không hạnh phúc, bà cố gắng chịu đựng vì con cái Nhng đến nay thì không thể chịu đựng được nữa, hiện nay bà và ông Trần Minh Q không còn chung sống

với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Trần Minh Q Nhng ông Trần Minh Q không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị Nh cho thấy ông Trần Minh Q không có thiện chí hòa giải, hàn gắn gia đình. Qua xác minh mâu thuẫn thì được biết: Ông Trần Minh Q thường xuyên rượu chè, nhiều lần bạo hành bà Nh, chính quyền địa phương đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở Nhng ông Trần Minh Q vẫn không thay đổi. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình Nhng giữa bà Nguyễn Thị Tố N và ông Trần Minh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Nh được ly hôn với ông Trần Minh Q là phù hợp và đúng pháp luật.

Về con chung*:* Bà Nh và ông Trần Minh Q có hai con chung tên Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 19/3/2005 và Trần Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 30/11/2011, bà Nh có nguyện vọng được nuôi con chung cho đến khi hai con đủ mười tám tuổi. Xét thấy, hiện nay con chung đang có cuộc sống ổn định với bà Nh, bà Nh làm giáo viên thu nhập ổn định, hai con cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị Tố N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Nh không yêu cầu ông Trần Minh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Có một lô đất diện tích khoảng 360m^2 thuộc buôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đ, đất chỉ có giấy tờ viết tay. Bà Nh không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nh xác định không có.

[3] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tố N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tố N được ly hôn với ông Trần Minh Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 19/3/2005 và Trần Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 30/11/2011 cho chị Nguyễn Thị Tố N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đến đủ mười tám tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Tố N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0008756 ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Tố N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, ông Trần Minh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS thành phố Đà Lạt;
- THADS thành phố Đà Lạt;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND phường A, thành phố L, tỉnh D.
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Vân Hồng